

Số: ~~676~~./TB-CCTHADS

Ia Grai, ngày 15 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc công khai lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Bản án số 11/2020/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ các Quyết định thi hành án số 477/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 5 năm 2020 và số 150/QĐ-CCTHADS ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Chứng thư Thẩm định giá số 0034/03.21/THA/GLI/EXIMA ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá E XIM,

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thông báo công khai về việc lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

1. Bên có tài sản đấu giá: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai – Địa chỉ: 199 Hùng Vương, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

2. Thông tin về tài sản: Tài sản kê biên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tô Quang Hưng và bà Hoàng Thị Anh, gồm:

*** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn 1, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai** (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 730288 do UBND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/12/2011): Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 121, diện tích 369,0m² (100m² đất ở, 269,0m² đất TCLN).

Giá khởi điểm: **358.680.406 đồng** (Ba trăm năm mươi tám triệu sáu trăm tám mươi bốn đồng). Cụ thể:

ST T	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền
		(m ²)	(đồng/ m ²)	(đồng)
I	Quyền sử dụng đất			271.159.263
1	Đất ở	100	1.396.648	139.664.800
2	Đất TCLN	269	488.827	131.494.463
II	Công trình xây dựng			87.093.357

	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (Đồng/ m ²)	CLCL	Thành tiền (Đồng)
1	Nhà ở	77,759	2.486.000	33%	63.791.928
2	Nhà vệ sinh	1,875	2.145.000	33%	1.327.219
3	Tường rào	39,405	781.000	33%	10.155.851
4	Mái hiên	24,96	344.000	33%	2.833.459
5	Sân xi măng	132,44	81.750	33%	3.572.900
6	Giếng nước đào	30	451.000	40%	5.412.000
III	Cây trồng trên đất				427.786
	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (Đồng/cái)	Hệ số	Thành tiền
1	Cây mít	1	88.233	0,8	70.586
2	Cây chôm chôm	1	274.000	0,8	219.200
3	Cây sung	1	138.000	1	138.000

* Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Làng Mèo, xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 019724 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/8/2015): Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 52, diện tích qua đo đạc thực tế 12.573,7m² đất TCLN.

Giá khởi điểm: **368.086.653 đồng** (Ba trăm sáu mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng). Cụ thể:

ST T	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá	CLCL	Thành tiền
		(m ²)	(đồng/ m ²)		(đồng)
I	Quyền sử dụng đất				253.800.135
1	Đất TCLN	12.573,7	20.185		253.800.135
II	Công trình xây dựng trên đất				81.262.368
	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (Đồng/ m ²)	CLCL	Thành tiền (Đồng)
1	Nhà ở	90,8	1.286.000	36%	81.262.368
III	Cây trồng trên đất				33.024.150
	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (Đồng/cái)	Hệ số	Thành tiền
1	Cây cà phê	960	42.800	0,8	32.870.400
2	Cây bời lời	3	51.250	1	153.750

* Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Làng Mèo, xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 461388 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/3/2016): Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 52, diện tích qua đo đạc thực tế 6.034m² đất TCLN.

Giá khởi điểm: **145.700.690 đồng** (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm ngàn sáu trăm chín mươi đồng). Cụ thể:

ST T	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá			Thành tiền
		(m ²)	(đồng/m ²)			(đồng)
I	Quyền sử dụng đất					121.796.290
1	Đất TCLN	6.034	20.185			121.796.290
II	Cây trồng trên đất					23.904.400
	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (ĐỒNG/cái)	Hệ số		Thành tiền
1	Cây cà phê	560	42.800	0,8		19.174.400
2	Cây bời lời	10	51.250	0,8		410.000
3	Cây núc nác	90	42.000	0,8		3.024.000
4	Cây bơ	3	432.000	1		1.296.000

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá: Theo khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016.

- Tổ chức đấu giá có cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phù hợp cho việc bán đấu giá các loại tài sản trên.

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của Tổ chức đấu giá;

- Về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp/Sở Tư pháp tỉnh/thành công bố.

4. Hồ sơ của Tổ chức đấu giá tài sản: Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản; Hồ sơ năng lực và các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn.

5. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức đấu giá:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc: ngày 15, ngày 16 và ngày 19 tháng 4 năm 2021 (Giờ hành chính).

- Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai – Địa chỉ: 199 Hùng Vương, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

6. Chi tiết liên hệ:

Ông Lê Trung Dũng – Chấp hành viên. Điện thoại: 0905 154 274.

Vậy, thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và nộp hồ sơ đúng thời hạn quy định.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Gia Lai (Đăng tin);

- Công thông tin điện tử của Tổng cục THADS;

- Lưu: VT, HSTHADS.



CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Trung Dũng